

Thừa Thiên Huế, ngày 02 tháng 05 năm 2018

THÔNG BÁO
BẢNG GIÁ THU DỊCH VỤ KIỂM NGHIỆM
TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ theo quyết định 817/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc hợp nhất Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Thừa Thiên Huế thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 2 tháng 5 năm 2018;

Căn cứ Thông tư 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính về việc quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-KSBT ngày 2/5/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành giá thu Khám sức khỏe, Khám bệnh nghề nghiệp, Đo kiểm môi trường lao động, phun diệt côn trùng, Kiểm dịch y tế, Xét nghiệm tại Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế;

Từ ngày 02 tháng 05 năm 2018, Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành thu phí dịch vụ Kiểm nghiệm theo mức giá như sau :

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá (VNĐ)
I	Xét nghiệm hóa lý		
1.	Độ màu	đồng/xét nghiệm	70.000
2.	Mùi, vị	đồng/xét nghiệm	14.000
3.	Độ pH	đồng/xét nghiệm	56.000
4.	Độ đục	đồng/xét nghiệm	70.000
5.	Độ cứng, tính theo (CaCO ₃)	đồng/xét nghiệm	80.000
6.	Chỉ số Pecmanganat	đồng/xét nghiệm	84.000
7.	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻)	đồng/xét nghiệm	100.000
8.	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻)	đồng/xét nghiệm	140.000
9.	Hàm lượng Sulfat (SO ₄ ⁻)	đồng/xét nghiệm	90.000
10.	Hàm lượng Amoni	đồng/xét nghiệm	98.000
11.	Hàm lượng Mangan tổng số	đồng/xét nghiệm	130.000
12.	Hàm lượng Sắt tổng số	đồng/xét nghiệm	130.000
13.	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)	đồng/xét nghiệm	70.000
14.	Hàm lượng Florua	đồng/xét nghiệm	200.000
II	Xét nghiệm vi sinh nước		
15.	XN Coliforms theo phương pháp màng lọc	đồng/xét nghiệm	182.000



16.	XN E.coli theo phương pháp màng lọc	đồng/xét nghiệm	182.000
17.	XN tổng số Coliform phương pháp nhiều ống (MPN)	đồng/xét nghiệm	112.000
18.	XN tổng số E.coli phương pháp nhiều ống (MPN)	đồng/xét nghiệm	112.000
III Xét nghiệm vi rút			
19.	An ti - HIV (nhạy)	đồng/xét nghiệm	52.000
IV Xét nghiệm vi khuẩn đường ruột			
20.	Nuôi cấy vi khuẩn	đồng/xét nghiệm	112.000
V Xét nghiệm ký sinh trùng			
21.	Xét nghiệm KST sốt rét		
	+ P. Falciparum	đồng/xét nghiệm	10.000
	+ P. Vi vax	đồng/xét nghiệm	10.000
	+ P. Malariae	đồng/xét nghiệm	20.000
	+ P. Ovale	đồng/xét nghiệm	20.000
22.	Xét nghiệm đất tìm trứng giun sán	đồng/xét nghiệm	20.000
23.	Xét nghiệm rau sống tìm trứng giun, bào nang amip	đồng/xét nghiệm	20.000
24.	Làm tiêu bản ấu trùng giun chỉ	đồng/xét nghiệm	15.000/tiêu bản
25.	Làm tiêu bản trứng giun sán trong phân	đồng/xét nghiệm	15.000/tiêu bản
26.	Làm tiêu bản giun sán trưởng thành	đồng/xét nghiệm	20.000/tiêu bản
27.	Làm tiêu bản amip nhuộm	đồng/xét nghiệm	15.000/tiêu bản
28.	Phương pháp tập trung KST đường ruột	đồng/xét nghiệm	15.000

Danh sách gồm có 28 danh mục./.

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Đình Sơn